TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỆ THỦY
TỈNH QUẢNG BÌNH

Bản án số: 19/2024/DS-ST
Ngày 18 - 8 - 2024
V/v: Tranh chấp Hợp đồng cầm cố và mượn tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Châu
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quang Nhã
2. Ông Lê Thuận Sơn
***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Ngọc Quảng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lệ Thủy.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Dương Đại Phong - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thuyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 17/2024/TLST- DS ngày 27 tháng 3 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng cầm cố và mượn tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên toà số: 18/2024/QĐST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH S (nay là Công ty Cổ phần S), địa chỉ trụ sở chính: 128 N, phường B, thành phố V, tỉnh N

Đại diện theo pháp luật: Ông P - Chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Cao Đ.

Địa chỉ liên hệ: Thôn Mỹ D, xã C, huyện L, tỉnh Q, có mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Trung Đ, sinh năm 1992.

Nơi đăng ký HKTT và chổ ở: Thôn T, xã P, huyện L, tỉnh Q, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện đề ngày 13/3/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty TNHH S (nay là Công ty Cổ phần S) ông Nguyễn Cao Đ trình bày:*

Vào ngày 29/11/2023, giữa Trần Trung Đ, sinh năm 1992; cư trú: Thôn T, xã P, huyện L, tỉnh Q với Công ty TNHH S có ký Hợp đồng cầm cố số CYM231101014NA17X; Phụ lục Hợp đồng và Giấy mượn xe cùng ngày. Theo

đó, Công ty TNHH S cho anh Trần Trung Đ vay số tiền 27.555.000 đồng (Hai mươi bảy triệu, năm trăm năm mươi lăm nghìn đồng). Thời hạn vay: 06 tháng (từ ngày 29/11/2023 đến ngày 29/5/2024). Lãi suất trong hạn: 1.1%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Phương thức thanh toán nợ gốc, nợ lãi theo định kỳ hàng tháng: Mỗi kỳ trả số tiền: 4.592.000 đồng và tiền lãi phát sinh vào ngày 29 hàng tháng kể từ tháng 12/2023 đến tháng 5/2024. Hợp đồng cầm cố nêu trên đã được đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định của pháp luật, số đăng ký Giao dịch bảo đảm trên Hệ thống Đăng ký trực tuyến của Cục đăng ký Giao dịch bảo đảm quốc gia: Giaodichdambao/notuphap 1525702057 theo Web: https://dktructuyen.moj.gov.vn/.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, anh Trần Trung Đ cầm cố cho Công ty TNHH S tài sản là 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA – SH125I, biển kiểm soát: 73H1-346.40; số khung: RLHJF7300GY053753; số máy: JF73E0053788; Giấy chứng nhận đăng ký xe máy số 020161 do Công an tỉnh Quảng Bình cấp ngày 16/11/2017, chủ tài sản: Trần Trung Đ.

Sau khi ký Hợp đồng cầm cố, Công ty TNHH S đã giải ngân đủ số tiền 27.555.000 đồng vào tài khoản cá nhân anh Trần Trung Đ. Để tạo điều kiện cho người vay có phương tiện đi lại, Công ty TNHH S đã cho anh Trần Trung Đ mượn lại tài sản cầm cố là chiếc xe máy nói trên. Hai bên cùng ký Giấy mượn xe cùng ngày 29/11/2023. Thời hạn mượn xe là 30 ngày kể từ ngày 29/11/2023 đến ngày 29/12/2023. Phí bảo dưỡng và hao mòn xe trong thời gian mượn xe là 1.653.300 đồng/tháng. Nếu quá thời hạn mượn trên mà anh Đ không trả xe thì anh Đ sẽ vẫn chịu chi phí bão dưỡng và hao mòn xe theo thỏa thuận tại Giấy mượn xe.

Quá trình thực hiện Hợp đồng cầm cố, Phụ lục hợp đồng và Giấy mượn xe như đã nêu trên, anh Trần Trung Đức đã vi phạm nghĩa vụ của bên cầm cố là không trả nợ gốc, nợ lãi đúng kỳ hạn, hết thời hạn mượn xe nhưng không trả và cố tình trốn tránh thực hiện các nghĩa vụ của bên cầm cố với bên nhận cầm cố, bên cho mượn tài sản và bên mượn tài sản. Cụ thể, anh Trần Trung Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ đối với Công ty TNHH S kể từ ngày 29/12/2023. Tổng thời hạn anh Trần Trung Đ vi phạm nghĩa vụ là: 202 ngày.

Công ty TNHH S đã nhiều lần trực tiếp gặp và gửi Thông báo yêu cầu trả nợ, trả xe đối với anh Trần Trung Đ nhưng anh không chấp hành. Vì vậy Công ty TNHH S khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình: Yêu cầu anh Trần Trung Đ phải trả số tiền đã vay cho Công ty TNHH S là: 33.728.000 đồng, trong đó bao gồm:

- Tiền nợ gốc: 27.555.000 đồng.
- Tiền nợ lãi: 1.213.000 đồng (theo lãi suất 1.1%/tháng).
- Phí bão dưỡng và hao mòn xe: 4.960.000 đồng(theo lãi suất 3%/tháng).

Trong trường hợp anh Trần Trung Đ không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thực hiện nghĩa vụ thanh toán không đầy đủ số tiền trên thì phải trả lại cho là Công ty TNHH S tài sản cầm cố là 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA–SH125I, biển kiểm soát: 73H1-346.40; số khung: RLHJF7300GY053753; số máy: JF73E0053788; Giấy chứng nhận đăng ký xe máy số 020161 do Công an tỉnh

Quảng Bình cấp ngày 16/11/2017, chủ tài sản: Trần Trung Đ.

Buộc anh Trần Trung Đ phải tiếp tục trả tiền lãi, phí phát sinh theo lãi suất và phí các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng cầm cố, Phụ lục hợp đồng và Giấy mượn xe các bên đã ký kết ngày 29/11/2023 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc, nợ lãi cho Công ty TNHH S (nay là Công ty Cổ phần S).

Tại phiên tòa: Ông Nguyễn Cao Đ - đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty TNHH S (nay là Công ty Cổ phần S) rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc bị đơn anh Trần Trung Đ thanh toán số tiền 4.960.000 đồng phí bão dưỡng và hao mòn xe và chỉ yêu cầu bị đơn anh Trần Trung Đ phải thanh toán số tiền còn nợ cho Công ty TNHH S (nay là Công ty Cổ phần S) tính đến ngày 18/7/2024 là: 29.595.577 đồng, trong đó bao gồm:

- Tiền nợ gốc: 27.555.000 đồng
- Tiền nợ lãi: 2.040.577 đồng (theo lãi suất 1.1%/tháng, tính tròn 202 ngày vi phạm).

Bị đơn anh Trần Trung Đ kể từ khi thụ lý vụ án cho đến nay không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH S cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không tham gia phiên tòa mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai, nên không có ý kiến tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Hội đồng xét xử và Thư ký phiên Tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ quy định tại các điều 309, 311, 314 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30.12.2016; các Điều 244, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Trần Trung Đ có trách nhiệm thanh toán số tiền 29.595.577 đồng (trong đó nợ gốc 27.555.000 đồng; nợ lãi 2.040.577 đồng) cho Công ty TNHH S (nay là Công ty Cổ phần S). Trường hợp anh Trần Trung Đ không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì buộc anh Trần Trung Đức phải giao trả lại xe mô tô HONDA–SH125I, biển kiểm soát: 73H1-346.40 là tài sản cầm cố mà anh đã mượn lại của Công ty TNHH S; Anh Trần

Trung Đ còn phải tiếp tục trả tiền lãi kế tiếp sau ngày 18/7/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc, nợ lãi cho Công ty TNHH S (nay là Công ty Cổ phần S) theo mức lãi suất, phí mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng cầm cố, Phụ lục hợp đồng cầm cố và Giấy mượn xe ngày 29/11/2023. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH S về việc buộc bị đơn anh Trần Trung Đ thanh toán số tiền 4.960.000 đồng phí bão dưỡng và hao mòn xe; về án phí, yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Công ty TNHH S khởi kiện yêu cầu anh Trần Trung Đ phải thanh toán nợ theo Hợp đồng cầm cố đã ký kết, mục đích vay là tiêu dùng cá nhân. Vì vậy, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bị đơn có địa chỉ là thôn T, xã P, huyện L, tỉnh Q nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Trần Trung Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Cao Đ rút một phần yêu cầu khởi kiện về buộc bị đơn phải thanh toán phí bão dưỡng và hao mòn xe 4.960.000đồng. Xét việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu mà nguyên đơn đã rút.

[2.2] Về hình thức, nội dung giao dịch dân sự:

Hợp đồng cầm cố số CYM231101014NA17X; Phụ lục Hợp đồng và Giấy mượn xe cùng ngày 29/11/2023 mà anh Trần Trung Đ đã ký với Công ty TNHH S thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại các các Điều 117, 119 của Bộ luật dân sự và phù hợp với quy định về Hợp đồng cầm cố tại Điều 309 Bộ luật dân sự 2015, nên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết.

[2.3] Về nghĩa vụ thanh toán:

Mặc dù bị đơn anh Trần Trung Đ vắng mặt, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH S. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Công ty TNHH S cung cấp, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 29/11/2023, anh Trần Trung Đ và Công ty TNHH S đã ký Hợp đồng cầm cố CYM231101014NA17X; Phụ lục Hợp đồng và Giấy mượn xe cùng ngày. Sau khi ký Hợp đồng, anh Đức đã được Công ty TNHH S giải ngân cho vay số tiền 27.555.000 đồng và để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ anh Đ đã cầm cố tài sản là 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA–SH125I, biển kiểm soát: 73H1-346.40; số khung: RLHJF7300GY053753; số máy: JF73E0053788; Giấy chứng nhận đăng ký xe máy số 020161 do Công an tỉnh Quảng Bình cấp ngày 16/11/2017, chủ tài sản: Trần Trung Đ. Sau đó, để tạo điều kiện cho khách hàng có phương tiện đi lại, bên nhận cầm cố Công ty TNHH S đã cho anh Đ mượn lại tài sản cầm cố là xe mô tô nói trên để sử dụng. Về lãi suất tiền vay, các loại phí mà các bên cùng nhau thỏa thuận trong Hợp đồng cầm cố, Phụ lục hợp đồng và Giấy mượn xe là không trái với các quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Sau khi vay, anh Trần Trung Đ không thực hiện mỗi kỳ trả số tiền: 4.592.500 đồng và tiền lãi phát sinh vào ngày 29 hàng tháng kể từ tháng 12/2023 đến tháng 5/2024, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi đối với Công ty TNHH S. Bên nhận cầm cố đã phát Thông báo yêu cầu anh Trần Trung Đ thực hiện nghĩa vụ trả lại tài sản cầm cố trong trường hợp không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng cầm cố đã ký kết nhưng anh Đ không hợp tác. Vì vậy, anh Trần Trung Đức đã vi phạm các thỏa thuận trong Hợp đồng cầm cố CYM231101014NA17X; Phụ lục hợp đồng và Giấy mượn xe ký kết cùng ngày 29/11/2023.

Căn cứ quy định tại các điều 309, 310, 311, 314 và Điều 468 Bộ luật Dân sự thì Bên nhận cầm cố Công ty TNHH S (nay là Công ty Cổ phần S) khởi kiện yêu cầu bên cầm cố là anh Trần Trung Đ thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ, trường hợp không thanh toán nợ thì buộc trả lại tài sản cầm cố là có căn cứ, cần được chấp nhận. Theo đó, buộc anh Trần Trung Đ phải trả cho Công ty TNHH S số tiền nợ tính đến ngày 18/7/2024 là 29.595.577 đồng, trong đó bao gồm:

- Tiền nợ gốc: 27.555.000 đồng

- Tiền nợ lãi: 2.040.577 đồng (Theo lãi suất 1.1%/tháng, tính tròn 202 ngày vi phạm).

Anh Trần Trung Đức còn phải tiếp tục trả tiền lãi kế tiếp sau ngày 18/7/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc, nợ lãi cho Công ty TNHH Srisawad Việt Nam (nay là Công ty Cổ phần SAWAD Tiền có ngay) theo mức lãi suất, phí mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng cầm cố, phụ lục hợp đồng cầm cố và Giấy mượn xe ngày 29/11/2023 là phù hợp theo hướng dẫn Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTT.

Trường hợp anh Trần Trung Đ không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thực hiện nghĩa vụ thanh toán không đầy đủ số tiền trên thì phải trả lại cho bên nhận cầm cố là Công ty TNHH S tài sản cầm cố là 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA–SH125I, biển kiểm soát: 73H1-346.40; số khung: RLHJF7300GY053753; số máy: JF73E0053788; Giấy chứng nhận đăng ký xe máy số 020161 do Công an tỉnh Quảng Bình cấp ngày 16/11/2017.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị

quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do yêu cầu của nguyên đơn Công ty TNHH S (nay là Công ty Cổ phần S) được chấp nhận, nên bị đơn anh Trần Trung Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 147, 227, 228, 244, 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều: 116, 119, 309, 310, 311, 314, 468, 494, 496, 498 và Điều 499 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH S (nay là Công ty Cổ phần S) về việc buộc bị đơn anh Trần Trung Đ thanh toán số tiền 4.960.000 đồng phí bão dưỡng và hao mòn xe.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH S: Buộc anh Trần Trung Đ phải trả cho Công ty TNHH S (nay là Công ty Cổ phần S) số tiền nợ tính đến ngày 18/7/2024 là: 29.595.577 (*Hai mươi chín triệu, năm trăm chín mươi lăm nghìn, năm trăm bảy mươi bảy đồng*), trong đó bao gồm:

- Tiền nợ gốc: 27.555.000 đồng
- Tiền nợ lãi: 2.040.577 đồng.

Anh Trần Trung Đ còn phải tiếp tục trả tiền lãi kế tiếp sau ngày tuyên án 18/7/2024 cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ gốc, nợ lãi cho Công ty TNHH S (nay là Công ty Cổ phần S) theo mức lãi suất, phí mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng cầm cố, Phụ lục hợp đồng và Giấy mượn xe ngày 29/11/2023.

Trường hợp anh Trần Trung Đ không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ thanh toán không đầy đủ số tiền nợ trên thì phải trả lại cho bên nhận cầm cố là Công ty TNHH S (nay là Công ty Cổ phần S) tài sản cầm cố là 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA–SH125I, biển kiểm soát: 73H1-346.40; số khung: RLHJF7300GY053753; số máy: JF73E0053788; Giấy chứng nhận đăng ký xe máy số 020161 do Công an tỉnh Quảng Bình cấp ngày 16/11/2017.

3. Về án phí: Buộc anh Trần Trung Đ phải chịu 1.479.778 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty TNHH S (nay là Công ty Cổ phần S) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Công ty TNHH S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 843.000 đồng (*Tám trăm bốn mươi ba nghìn đồng*) theo Biên lai thu số 0004332

ngày 27/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 18/8/2024); Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Lệ Thủy;
- VKSND, TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Lệ Thủy;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Châu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Quang Nhã **Lê Thuận Sơn** **Nguyễn Văn Châu**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Trương Hải Nam **Lê Thuận Sơn** **Nguyễn Văn Châu**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Đồng Hới;
- Chi cục THADS thành phố Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Mỹ Hạnh